

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN SO SÁNH VĂN HÓA

(Comparative Studies of Culture)

1. Thông tin về giảng viên:

Họ và tên: Nguyễn Thu Hằng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, TS Lịch sử thế giới hiện đại

Thời gian và địa điểm làm việc: sẽ thông báo cho sinh viên trong buổi đầu lên lớp.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Quốc tế học, Trường ĐHKHXHNV

336 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 84. 8584599

E mail: hangnt1224@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

- Văn hóa Đông Bắc Á (đặc biệt Nhật Bản)
- Tiếp xúc văn hóa

2. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: So sánh Văn hoá
- Mã học phần: ITS 2010
- Số tín chỉ: 3
- Học phần: tự chọn
- Các học phần tiên quyết: HIS 1056 (Cơ sở Văn hoá Việt Nam)
- Các yêu cầu đối với học phần: sinh viên có thể sử dụng ít nhất một ngoại ngữ để tham khảo tài liệu
- Giờ tín chỉ đối với hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30
 - + Thảo luận: 15
 - + Tự học: 0
- Địa chỉ Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Quốc tế học, tầng 2, Nhà B, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQG Hà Nội).

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

- Học phần cung cấp cho sinh viên những nét đặc trưng văn hóa khu vực, PPNC khoa học, một trong số đó là phương pháp so sánh. Sinh viên tiếp cận các khái niệm cơ bản như văn hóa, các thành tố tạo nên văn hóa, các cấp độ văn hóa... cùng với các bước tiến hành làm nghiên cứu so sánh.

- Hoàn thành xong học phần này, người học sẽ có khả năng phân tích so sánh văn hóa Việt Nam và một nền văn hóa khác giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về những tương đồng- dị biệt.

3.2. Chuẩn đầu ra của học phần:

- Về kiến thức:

+ Cung cấp những khái niệm cơ bản và cách thức xem xét yếu tố văn hoá, các thành tố tạo nên văn hoá. Văn hoá là một khái niệm rộng, do vậy sinh viên cần nắm những kiến thức cơ bản nêu trên để có thể tìm hiểu các nền văn hoá khác nhau trên thế giới.

+ So sánh là một cách tiếp cận phổ biến và cũng hết sức đa dạng. Chuyên đề giúp sinh viên hiểu được cách thức so sánh sử dụng tiêu chí đánh giá có kết hợp định tính, định lượng và phương pháp chuyên gia. Đây là một điều quan trọng nằm trong kiến thức để sinh viên có thể sử dụng không chỉ trong đánh giá, so sánh văn hoá mà có thể áp dụng sâu rộng hơn trên một số lĩnh vực khác. Sinh viên có kiến thức về phương pháp này để từ đó có thể chỉ ra những dị biệt và tương đồng qua các tiêu chí đánh giá có chọn lọc.

+ Trọng tâm cuối cùng trong phần kiến thức này chính là những kiến thức cụ thể mà sinh viên sẽ thu được qua một nghiên cứu trường hợp cụ thể như: “So sánh văn hoá Việt Nam - Nhật Bản”.

+ Thông qua các chương khái quát so sánh về văn hóa các quốc gia trong khu vực cũng như trên thế giới, sẽ giúp sinh viên nắm rõ hơn về bản sắc văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập văn hóa hiện nay.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng đầu tiên chính là việc hệ thống hoá các tiêu chí dùng cho phương pháp so sánh (qua mô hình hoá, định lượng, định tính...)

+ Sinh viên có thể áp dụng vào nghiên cứu so sánh những cặp đôi khác thuộc các quốc gia khác trên thế giới.

+ Thông qua các hình thức như thảo luận, làm việc theo nhóm, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng trình bày vấn đề, làm việc với người khác và làm việc theo nhóm.

+ Kỹ năng đọc tài liệu và phân tích tư liệu (đặc biệt là tư liệu nước ngoài) là một trong những kỹ năng được quan tâm và chú trọng rèn luyện.

+ Các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định cũng như các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề sẽ được củng cố và nâng cao thông qua các bài tập nghiên cứu và nhận định về yếu tố văn hoá trong đời sống quốc tế.

+ Nghiên cứu văn hoá trong quan hệ so sánh sẽ giúp sinh viên có kỹ năng nhìn nhận toàn diện, điều chỉnh và tự phát triển trong xu hướng tiếp cận, tiếp thu và hội nhập văn hoá trên thế giới.

- Về thái độ, chuyên cần:

+ Sinh viên cảm thấy hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về lĩnh vực văn hoá thông qua góc nhìn so sánh.

+ Những kiến thức và kỹ năng đạt được giúp sinh viên tự tin trong việc tìm hiểu các nền văn hoá.

+ Người học có thể nhận định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó xác định được định hướng nghiên cứu và so sánh, tổng hợp tư duy trong giải quyết công việc trong tương lai.

4. Tóm tắt nội dung học phần:

Văn hóa là một khái niệm rộng và có tính đặc trưng xét trong từng không gian văn hóa nhất định. Người học nhận định được những nét đặc trưng văn hóa cũng như mối quan hệ giữa chúng cần có những PPNC khoa học. Sinh viên tiếp cận các khái niệm cơ bản như văn hóa, các thành tố tạo nên văn hóa, các cấp độ văn hóa... cùng với các bước tiến hành làm nghiên cứu so sánh

Phương pháp so sánh với đối tượng là văn hóa dựa trên việc sử dụng năm tiêu chí cụ thể bao gồm: Điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái, cư dân và đặc trưng văn hóa, quá trình hình thành nhà nước đầu tiên, các mô hình nhà nước trong lịch sử và cuối cùng là cách thức ứng xử với văn hóa ngoại lai để so sánh văn hóa Việt Nam và Nhật Bản giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về những tương đồng- dị biệt.

5. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. Thuật ngữ và các khái niệm

1.1. Định nghĩa về văn hóa

Phương pháp so sánh

1.2. So sánh văn hóa

1.2.1. Thành tố văn hóa

1.2.2. Các cấp độ văn hóa

1.2.3. Không gian văn hóa

Chương 2. Điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái (Việt Nam – Nhật Bản)

2. 1 Hình thể đặc trưng

2. 2 Chỉ số duyên hải

2. 3. Diện tích tự nhiên

2. 4. Đặc điểm địa hình

2.5. Khí hậu

- 2.6. Tài nguyên
- 2.7. Thiên tai
- 2.8. Vị trí địa lý
- 2.9. Môi trường sinh thái
- 2.10. Không gian văn hóa

Chương 3. Cư dân và đặc trưng văn hóa (Việt Nam – Nhật Bản)

- 3.1. Cư dân
- 3.2. Đặc trưng văn hóa
 - 3.2.1. Văn hoá sản xuất
 - 3.2.2. Văn hóa đảm bảo đời sống
 - 3.2.3. Văn hóa quy phạm
 - 3.2.4. Văn hóa tâm linh

Chương 4. Nội dung SEMINAR

Ứng dụng tiêu chí: **Điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái**

Cư dân và đặc trưng văn hóa

Chọn một số quốc gia (mở) so sánh với Việt Nam

Chương 5. Quá trình hình thành và mô hình nhà nước trong lịch sử (Việt Nam – Nhật Bản)

- 5.1. Quá trình hình thành nhà nước
 - 5.1.1. Việt Nam :
 - + Thời điểm xuất hiện nhà nước
 - + Sự hình thành nhà nước do nhu cầu đắp đê trị thủy
 - + Nhà nước Văn Lang - Âu lạc
 - + Thời phong kiến
 - + Thời Pháp thuộc
 - 5.1.2 Nhật Bản:
 - + Văn hoá Yayoi (nền văn hoá đồ đồng thau)
 - + Sự xuất hiện kiểu nhà nước nhỏ (Kuni)
 - + Nhà nước đầu tiên Nhật Bản ra đời
 - + Nhà nước chiếm nô
- 5.2. Các hình thức tổ chức nhà nước hiện đại:
 - 4.2.1. Việt Nam
 - 4.2.2. Nhật Bản

Chương 6. Nội dung SEMINAR

Ứng dụng tiêu chí: **Quá trình hình thành và mô hình nhà nước trong lịch sử**

Chọn một số quốc gia (mở) so sánh với Việt Nam

Chương 7. Ứng xử với văn hóa ngoại lai (Việt Nam – Nhật Bản)

7.1. Việt Nam

7.1.1. Ứng xử với văn hóa Trung Hoa

- + Giai đoạn Bắc thuộc
- + Giai đoạn phong kiến

7.1.2. Ứng xử với văn hóa Phương Tây

- + Giai đoạn thế kỷ XVI
- + Nhà Nguyễn

7.1.3. Ứng xử với văn hoá ngoại lai giai đoạn cận đại

- + 1945 – 1975
- + 1975 – 1986
- + 1986 đến nay

7.2. Nhật Bản

7.2.1. Ứng xử với văn hóa Trung Hoa (Nhà Đường)

- + Giai đoạn thế kỷ VI - VII

7.2.2. Ứng xử với văn hóa Phương Tây

- + Thế kỷ XVI (Thời kì Tokugawa)
- + Thế kỷ XIX (Thời kì Meiji)
- + Thế kỷ XX đến nay

Chương 8. SEMINAR

Ứng dụng tiêu chí: **Ứng xử với văn hóa ngoại lai**

Chọn một số quốc gia (mở) so sánh với Việt Nam

6. Học liệu

6.1. Học liệu bắt buộc:

1. G.S. SanSom, *Lịch sử văn hoá Nhật Bản*, NXB Khoa học xã hội. 1990, tập 1- 2.
2. Richard Bowring và Peter Kornicki, *Bách khoa thư Nhật Bản*, TT KHXH –NV Quốc gia, Trung tâm nghiên cứu Nhật Bản.
3. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB TP Hồ Chí Minh, 2000.
4. Trần Quốc Vượng, *Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, NXB văn hoá dân tộc, 2000.

6.2. Học liệu tham khảo:

5. Vĩnh Sính, *Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa*, NXB văn nghệ TP Hồ Chí Minh – TT Nghiên cứu Quốc học, 2001.
6. Vĩnh Sính, *Nhật Bản cận đại*, NXB văn hoá từng thư, 1990.
7. <http://en.wikipedia.org/>
8. <http://www.ncnb.org.vn>
9. Tạp chí nghiên cứu Nhật Bản, Đông Bắc Á, Đông Nam Á.
10. Các tài liệu (mở) GV phát và hướng dẫn SV khi chuẩn bị Seminar.

7. Lịch trình dạy học:

Tuần	Nội dung chính	Tài liệu chính cần đọc	Ghi chú
Tuần 1	- Giới thiệu học phần và đề cương học phần, học liệu, yêu cầu, kiểm tra-đánh giá, phương pháp học tập học phần	- Phân phát đề cương.- Giới thiệu giáo trình tài liệu tham khảo - Tìm đọc giáo trình và tìm thêm các tài liệu khác. - Phân nhóm để chuẩn bị thuyết trình - Chuẩn bị học liệu - Đọc TLBB và TLTK.	
Tuần 2	- Thuật ngữ và khái niệm liên quan văn hóa - Phương pháp so sánh - Các tiêu chí	- Đọc học liệu số 3 (chương 1). - Chuẩn bị các nội dung cho thảo luận. - Chia các nhóm, phân nhóm trưởng, phân đọc nội dung...v.v.	
Tuần 3	- Tiêu chí 1: Điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái - Tính chỉ số duyên hải để áp dụng nhận xét	- Đọc học liệu số 3,4 (chương 1). - Chuẩn bị các nội dung cho thảo luận. - Chia các nhóm, phân nhóm trưởng, phân đọc nội dung...v.v.	
Tuần 4	- Thảo luận: Tác động của ĐKTN đến VH - So sánh VN - NB	- Đọc tài liệu 3,4,5,6 - Chuẩn bị thảo luận nhóm.	
Tuần 5	-Tiêu chí 2: Cư dân và đặc trưng văn hóa - Yếu tố dân cư và ngôn ngữ	- Đọc học liệu số 3,4,5,6.	

	tạo nên đặc trưng VH		
Tuần 6	-Tìm hiểu các đặc trưng văn hóa của các quốc gia	- Chia các nhóm, phân nhóm trưởng, phân đọc nội dung...v.v. - Chuẩn bị Seminar: - Các nhóm 1,2,3 chọn quốc gia để SS với VN	
Tuần 7	- Seminar: Ứng dụng TC 1-2 vào SSVH: 1.Điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái 2.Cư dân và đặc trưng văn hóa - Nhóm 1 - Nhóm 2 - Nhóm 3	-SV nhận xét – đặt câu hỏi -Nhóm trả lời: -GV nhận xét: -Đánh giá: - GV có biên bản nhận xét các nhóm	
Tuần 8	- Tiêu chí 3: Quá trình hình thành và mô hình nhà nước trong lịch sử	- Đọc Tài liệu tham khảo số 1,2,3,4,5. - Chuẩn bị những câu hỏi cho thảo luận.	
Tuần 9	So sánh mô hình NN tiêu biểu trong lịch sử VN - NB	- Đọc Tài liệu tham khảo số 1,2,3,4,5. - Chuẩn bị những câu hỏi cho thảo luận. - Phân nhóm 4,5,6 chuẩn bị chọn SS tiêu chí 3	
Tuần 10	- Seminar: So sánh quá trình hình thành và mô hình nhà nước trong lịch sử -Nhóm 3 -Nhóm 4 -Nhóm 5	-SV nhận xét – đặt câu hỏi -Nhóm trả lời -GV nhận xét: -Đánh giá: - GV có biên bản nhận xét các nhóm	
Tuần 11	-Tiêu chí 4: Ứng xử với văn hóa ngoại lai - Ứng xử với văn hóa ngoại lai trước TK XVI	- Đọc tài liệu 1, 2, 5.	

Tuần 12	-Tiêu chí 4: Ứng xử với văn hóa ngoại lai - Ứng xử với văn hóa ngoại lai sau TK XVI	-Chuẩn bị các nội dung, câu hỏi cho thảo luận. - Chia các nhóm, phân nhóm trưởng, phân đọc nội dung...v.v. -Đọc TLTK số 1.3.4.	
Tuần 13	-Tiêu chí 4: Ứng xử với văn hóa ngoại lai - Ứng xử với văn hóa ngoại lai trong giai đoạn TCH	- Đọc tài liệu số 1, 3.4, 8.9. -Chuẩn bị các nội dung, câu hỏi cho thảo luận. - Chia các nhóm, phân nhóm trưởng, phân đọc nội dung...v.v. - Sưu tầm các bài báo có liên quan đến nội dung - Chia nhóm 7,8,9 chuẩn bị Seminar: Chọn một số quốc gia (mở) so sánh với Việt Nam	
Tuần 14	-Seminar: Ứng dụng tiêu chí 4: Ứng xử với văn hóa ngoại lai Nhóm 7: Nhóm 8: Nhóm 9:	-SV nhận xét và đặt câu hỏi. -Nhóm trả lời. -GV nhận xét -Đánh giá: -GV có biên bản nhận xét các nhóm	
Tuần 15	-Tổng kết các tiêu chí đã dạy - Đưa ra các nét tương đồng – dị biệt về VH - Hướng dẫn SV có cách đánh giá dựa trên các TC đã học khách quan - Hướng dẫn nội dung thi: Vấn đáp hoặc tiểu luận	Tiểu luận: Giáo viên sẽ trao đổi lựa chọn hướng chủ đề theo từng năm và quan tâm của sinh viên	

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên

- Sinh viên đi học đầy đủ, đúng giờ.
- Tham gia đầy đủ và nhiệt tình vào các buổi hoạt động theo nhóm.

- Sinh viên phải hoàn thành việc đọc và chuẩn bị tài liệu được yêu cầu trước mỗi buổi học.

- Tích cực tham gia các buổi thảo luận

- Khuyến khích các sinh viên trao đổi thường xuyên giữa sinh viên và giảng viên cũng như giữa sinh viên với nhau.

- Thường xuyên tìm kiếm những thông tin liên quan đến học phần như các qua các phương tiện truyền thông, báo, các tạp chí nghiên cứu, Internet...

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần:

- Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp 10%

- Kiểm tra đánh giá giữa kì: Điểm bài tập làm theo nhóm 30%

- Kiểm tra đánh giá cuối kì : Điểm tiểu luận 60%

❖ Thang chấm điểm:

+Thường xuyên: tham gia đầy đủ các buổi học

+ Giữa kì: Tham gia nhóm chuẩn bị bài để thuyết trình.

- Điểm đánh giá: -Các trưởng nhóm sẽ cùng SV thảo luận đánh giá cho điểm của các thành viên trong nhóm.

- Điểm buổi báo cáo phát biểu

+Cuối kì: Bài tiểu luận mở theo các topic GV đưa ra mang xu hướng mở theo các vấn đề hàng năm và quan tâm của sinh viên.

Yêu cầu Bài cuối kỳ: -Đúng chủ đề, văn phong mạch lạc

-Nguồn trích dẫn đầy đủ, chính xác, đúng yêu cầu của bài tiểu luận.

- Có so sánh với Việt Nam.

KHOA QUỐC TẾ HỌC

BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN

TS.Nguyễn Thu Hằng